

Bản án số: 130/2021/HS-PT

Ngày 29-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T sinh năm 1964 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: tổ X, ấp Y, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 và bà Huỳnh Thị D; có vợ là bà Trần Thị B và có 02 người con (sinh năm 1988 và năm 1995); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2020 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn V là Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị N, sinh năm 1968; nơi cư trú: số M, tổ X, ấp Y, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Ngoài ra, có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và bà Trần Thị N là hàng xóm và có tranh chấp với nhau về ranh giới đất. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/6/2020, T đang chôn trụ bê tông để làm hàng rào giữa đất của T và bà N thì bà N đi ra đứng cách T khoảng 11m và nói với T: “Mày mở mắt lên mà dòm cho kỹ”. Do đã có mâu thuẫn từ trước nên nghe bà N nói vậy T nói: “Tao nhìn mày lâu rồi, hôm nay tao chém chết mày” rồi cầm dao rựa dài khoảng 45cm đi về phía bà N. Nhìn thấy T cầm dao đi về phía mình, bà N cúi xuống nhặt một cục đá tổ ong ném về phía T trúng vào trán bên phải của T làm chảy máu. Bị ném đá nên T cầm dao chạy đến chỗ bà N đang đứng, bà N tiếp tục cúi xuống nhặt một cục đá tổ ong ném về phía T nhưng không trúng. Lúc này, bà N bị trượt chân té ngã thì T vừa chạy đến, bị cáo T cầm dao rựa bằng tay phải, dùng sống dao rựa chém nhiều cái vào đầu, tay và chân của bà N. Bà Trần Thị B (là vợ của T) nhìn thấy T và bà N đánh nhau nên chạy ra can ngăn và đưa T đi cấp cứu tại bệnh viện. Bà N được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 dao rựa dài 45cm. Đối với hai cục đá tổ ong bà N dùng để ném gây thương tích cho T, Công an không thu giữ được do tại hiện trường có nhiều cục đá giống nhau và bà N không thể xác định được cục đá đã dùng để ném T.

Ngày 07/7/2020, bà N có đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án hình sự.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 436/2020/GDPY ngày 17/9/2020, Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận:

- Vết thương thái dương trái (02 x 0,2)cm, sẹo lành: tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.
- Vết thương gò má trái (1,2 x 0,1)cm, sẹo lành: tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.
- Gãy kín xương bàn ngón IV tay trái đã cal: tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%.
- Gãy kín mâm chày gối trái đã cal, còn hạn chế vận động gối trái: tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà N là 23%.

Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết thương vùng thái dương trái: chiều nằm ngang, hướng từ trái sang phải, bờ tương đối gọn, khả năng do vật tày có cạnh gây ra.
- Vết thương vùng gò má trái: chiều từ trên xuống, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gộc, khả năng do vật sắc gây ra.

- Gãy xương bàn ngón IV tay trái + gãy kín mâm chày gối trái đã cal: gãy xương kín không có dấu tích ngoài da, khả năng do vật tày gây ra.

Quá trình điều tra, bà N yêu cầu bị cáo T bồi thường 82.632.710 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu bị cáo bồi thường 326.580.000 đồng. Bị cáo T đã nộp 25.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/08452 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bị cáo Trần Văn T còn phải bồi thường thêm số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2021, bị cáo T có đơn kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giảm mức bồi thường thiệt hại và miễn án phí.

Ngày 23/4/2021, bị hại N có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại được làm trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, giảm mức bồi thường thiệt hại và xin miễn án phí. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T và tăng mức bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo dùng dao rựa là hung khí nguy hiểm chém bị hại nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Bị hại ném đá vào đầu bị cáo làm bị cáo tức giận nên dùng dao rựa chém bị hại, mặc dù bị cáo chém vào vùng đầu, mặt của bị hại nhưng bị cáo dùng sống dao không sắc bén, thể hiện bị cáo không có ý thức đoạt tính mạng của bị hại. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử

phạt bị cáo là phù hợp nên không có cơ sở giảm nhẹ cũng như tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 164.480.000 đồng nhưng không cung cấp thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường 45.000.000 đồng là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại. Vì vậy, Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Xuất phát từ mâu thuẫn từ nhiều năm trước khi bị hại có hành vi đánh vợ của bị cáo (đã bị xử phạt hành chính) và tranh chấp ranh đất đã được chính quyền giải quyết nhưng hai bên vẫn xảy ra sự việc gây thương tích cho nhau. Bị cáo đã nhờ chính quyền đến hòa giải và có thiện chí bồi thường nhưng bị hại không đồng ý. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Mong Hội đồng xét xử xem xét diễn biến hành vi, hậu quả để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Diễn biến hành vi của bị cáo được thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, bị cáo đang chôn hàng rào theo đúng ranh giới thì bị hại có lời lẽ không phù hợp. Khi bị cáo vừa đi được 02 bước, đứng ở dưới thấp, bị hại đứng phía trên rồi ném đá vào đầu bị cáo gây thương tích 09% (hành vi của bị hại đã được giải quyết bằng 01 bản án có hiệu lực pháp luật). Bị hại có hành vi dùng hung khí gây thương tích cho bị cáo, tiếp tục cầm đá ném bị cáo. Do tức giận nên bị cáo cầm dao rựa và dùng sống dao chém bị hại dẫn đến bị hại bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tiếp tục lao động, tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo đã lớn tuổi, có nhiều bệnh, chỉ làm nông nghiệp. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 25.000.000 đồng. Mong Hội đồng xét xử xem xét quyết định các chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật. Về án phí: bị cáo rất khó khăn về kinh tế, phải đi vay tiền để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo trình bày: bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về trả nợ và nuôi vợ.

Bị hại trình bày: yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại. Bị hại rất khó khăn, sức khỏe yếu, không ai chăm sóc do không có gia đình, không có con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối đáp: người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” là không có căn cứ, bị hại chỉ nói bị cáo mở mắt ra mà xem. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, giúp bị cáo nhận ra sai lầm của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để về đi làm trả tiền vay, khắc phục hậu quả cho bị hại và nuôi vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo, bị hại làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/6/2020, xuất phát từ mâu thuẫn về tranh chấp ranh giới đất, khi bị cáo Trần Văn T đang chôn trụ bê tông để làm hàng rào thì bị cáo và bị hại N lớn tiếng với nhau, bị cáo T cầm dao rựa đi về phía bị hại thì bị bị hại ném đá tổ ong trúng vào trán phải. Bị cáo T cầm dao đến chỗ bị hại thì bị hại tiếp tục nhát đá ném bị cáo nhưng không trúng, bị hại bị té ngã thì bị cáo dùng sòng dao rựa chém nhiều nhát vào đầu, tay và chân của bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 23%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, bị hại không cung cấp thêm được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào mới đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo dùng sòng dao rựa chém bị hại một phần cũng xuất phát từ việc bị hại dùng đá ném vào đầu bị cáo gây chảy máu nên bị hại cũng có một phần lỗi là tình tiết giảm nhẹ theo

quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là thiếu sót.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: mặc dù bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại Tòa án cấp phúc thẩm, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, không nhẹ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, không có cơ sở áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng như tăng hình phạt đối với bị cáo. Kháng cáo của bị cáo về xin áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm mức bồi thường thiệt hại. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, các hóa đơn, chứng từ cũng như ý kiến trình bày của bị cáo, bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị hại yêu cầu bồi thường nhiều loại thiệt hại, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định mức bồi thường cụ thể đối với từng yêu cầu mà nhận định chung là không phù hợp. Căn cứ quy định tại các điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự, bị cáo gây thương tích cho bị hại nên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường chi phí hợp lý cho việc khám, điều trị thương tích của bị hại là 10.380.555 đồng, đối với các yêu cầu bồi thường khác, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mức bồi thường cụ thể như sau:

Về chi phí hợp lý cho việc khám, điều trị thương tích của bị hại: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 10.380.555 đồng, bị cáo đồng ý theo yêu cầu nên có trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Đối với các chi phí như chi phí thuê người thay băng, rửa vết thương (2.000.000 đồng), chi phí mua bông băng, thuốc (1.000.000 đồng) là các chi phí hợp lý cho việc chữa trị thương tích của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại là 13.380.555 đồng.

Về bù đắp tổn thất về tinh thần: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 50 tháng lương cơ sở. Tuy nhiên, xem xét bị hại cũng có một phần lỗi nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại với mức: 30 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 44.700.000 đồng.

Về các chi phí như tiền sữa, thức ăn bồi dưỡng: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 10 tháng x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Về thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị ở bệnh viện: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thu nhập của 03 ngày làm việc do điều trị ở bệnh viện với

số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp được tài liệu chứng minh mức thu nhập bình quân mỗi ngày của bị hại là 335.000 đồng nên không có cơ sở xác định như yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xác định theo mức thu nhập trung bình của lao động tại địa phương là 200.000 đồng/ngày. Vì vậy, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại thu nhập thực tế bị mất là: $200.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ ngày} = 600.000 \text{ đồng}$.

Về thu nhập thực tế bị mất trong thời gian dưỡng thương tại nhà: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường $04 \text{ tháng} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 40.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định thời gian bị hại bị mất thu nhập và mức thu nhập thực tế bị mất. Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại mức thu nhập bị mất trong thời gian điều trị thương tích tại nhà là: $01 \text{ tháng} \times 6.000.000 \text{ đồng} = 6.000.000 \text{ đồng}$.

Về thu nhập bị mất của người chăm sóc bị hại: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: $03 \text{ ngày} \times 200.000 \text{ đồng} = 600.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cũng như thông tin của người chăm sóc nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về chi phí giám định pháp y: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng chi phí giám định. Tuy nhiên, việc giám định pháp y phục vụ cho việc giải quyết vụ án được thực hiện khi có quyết định trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền nên yêu cầu của bị cáo về chi phí giám định là không có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là 64.680.555 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự.

[7] Bị cáo kháng cáo xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sinh năm 1964 và không thuộc một trong các trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên kháng cáo của bị cáo về xin miễn án phí dân sự sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại về hình phạt đối với bị cáo và kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Người bào chữa cho bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

đối với bị cáo. Tuy nhiên, việc bị hại ném đá vào đầu bị cáo một phần cũng xuất phát từ việc bị cáo nói “Tao nhin mày lâu rồi, hôm nay tao chém chết mày” và cầm dao rựa đi về phía bị hại làm bị hại lo sợ bị bị cáo tấn công. Vì vậy, bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo.

[10] Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này:

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự nên xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo. Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bị hại được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trần Thị N về trách nhiệm dân sự. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T. Sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Thị N với tổng số tiền 64.680.555 (sáu mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng, được trừ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2010/08452 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại 39.680.555 (ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm và 3.234.027 (ba triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, NTN, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Lộc

Lê Quân Vương

Nguyễn Huỳnh Đức

